

Nhu cầu gia tăng thêm bảo vệ cho bản thân và gia đình				
Chăm sóc sức khỏe	☐			
Bệnh hiểm nghèo	☐			
Tử vong, tai nạn, thương tật	☐			

C-Gợi ý sản phẩm

Tên sản phẩm chính	Lý do đề xuất
CIM2-PRU-Cuộc Sống Bình An	Khách hàng có nhu cầu: Nhu cầu

D-Xác nhận của khách hàng

☒ Tôi xác nhận:
- Tư vấn viên đã thực hiện phân tích nhu cầu tài chính cho tôi.
- Tôi đã đọc và hoàn toàn hiểu rõ toàn bộ Bảng phân tích nhu cầu tài chính này.
- Tôi xác nhận những thông tin được cung cấp trên đây là chính xác, đầy đủ và tôi hiểu rằng việc cung cấp các thông tin không chính xác và đầy đủ sẽ ảnh hưởng đến kết quả của việc phân tích nhu cầu tài chính.
- Tôi quyết định lựa chọn sản phẩm phù hợp với nhu cầu tài chính của tôi theo như gợi ý của Tư vấn viên. Các thông tin tài chính được cung cấp tại tài liệu này sẽ là cơ sở để tôi chọn lựa gói sản phẩm và số tiền bảo hiểm như được thể hiện chi tiết tại Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm liên quan.

Khách hàng ký tên Ngày: 30/06/2025 16:12:07  Chữ ký: _____ Họ và tên: _____	Tư vấn viên ký tên Ngày: 30/06/2025 16:12:07 60289279 Chữ ký: _____ Họ và tên: PRUDENTIAL VIỆT NAM Mã số: 60289279
---	--

*Lưu ý: Bảng phân tích này chỉ nhằm mục đích tìm hiểu nhu cầu và khả năng tài chính của Khách hàng khi tham gia bảo hiểm nhân thọ thông qua các sản phẩm bảo hiểm của Prudential Việt Nam. Số tiền được thể hiện qua phân tích này chỉ mang tính tương đối, không phản ánh chính xác số tiền thực tế cần phải có trong tương lai. Quý khách nên thường xuyên xem lại phần phân tích này với chuyên viên Tư vấn tài chính của Prudential Việt Nam, đặc biệt là khi có sự thay đổi về nhu cầu hoặc điều kiện kinh tế khác.

PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam; Giấy phép: 15 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp; Vốn điều lệ: 6.397,8 tỷ đồng; Trụ sở chính: Tầng 25, TTTM Sài Gòn, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TPHCM; Điện thoại: (028) 39100999; Hotline: 1800 1 247; Fax: (028) 39100899; Website: http://www.prudential.com.vn	THÔNG TIN TƯ VẤN VIÊN Họ và tên: PRUDENTIAL VIỆT NAM Mã số đại lý: 60289279 Điện thoại: Địa chỉ liên hệ:
---	---

PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN - Chia sẻ cùng bạn gánh nặng tài chính trước rủi ro 72 bệnh ung thư và bệnh hiểm nghèo.

Được chi trả lên đến 200% Số tiền bảo hiểm cho 72 bệnh ung thư và bệnh hiểm nghèo	Được chi trả lên đến 300% STBH trước rủi ro tử vong	Nhận ngay 30% STBH bằng tiền mặt ở tuổi 65
- Chi trả tối đa 2 bệnh ung thư/bệnh hiểm nghèo (BHN) giai đoạn đầu với 30% Số tiền bảo hiểm (STBH) mỗi bệnh. - Chi trả tối đa 2 bệnh ung thư/BHN giai đoạn sau với tổng quyền lợi lên đến 200% STBH và các khoản lãi. - Miễn đóng toàn bộ phí còn lại của sản phẩm chính khi mắc bệnh ung thư/BHN giai đoạn sau lần 1.	- Chi trả lên đến 200% STBH và các khoản lãi để bù đắp những mất mát về tài chính. - Hỗ trợ thêm 100% STBH trong trường hợp không may tử vong do tai nạn.	Chủ động nhận trước 30% STBH để thực hiện các dự định cá nhân và kế hoạch cùng gia đình.

Tổng quyền lợi bảo hiểm đảm bảo của sản phẩm PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN không vượt quá 200% STBH. Trong trường hợp NDBH tử vong do tai nạn, quyền lợi bảo hiểm sẽ được chi trả thêm 100% STBH.

PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN - Khởi đầu vững chắc cho tương lai bình an

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG	Họ và tên	Giới tính	Tuổi	Nghề nghiệp	Tăng phí	Lý do tăng phí	CMND/Hộ chiếu/ Khai sinh
Bên mua bảo hiểm:	Nguyễn Văn A	Nữ	25				
Người được bảo hiểm chính (NĐBH chính):	Nguyễn Văn A	Nữ	25	Nhân viên văn phòng không giao dịch bên ngoài	Không		
Địa chỉ liên hệ:							

Đơn vị tính: đồng

THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM	Người được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng	Thời hạn đóng phí	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm hàng năm
Sản phẩm chính					
PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN	NĐBH chính	50	15	100.000.000	6.035.000
Sản phẩm bán cùng					
Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm chính và (các) sản phẩm bán cùng					6.035.000
Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ:	Năm		Nửa năm		Quý
	6.035.000		3.258.900		1.720.000

Phương thức đóng phí bảo hiểm: Tiền mặt

Ghi chú:

- Phí bảo hiểm được trình bày trên đây là phí tính cho người có sức khỏe trung bình theo tiêu chuẩn của Prudential. Phí bảo hiểm thực tế sẽ dựa trên kết quả thẩm định của Prudential.

Đơn vị tính: ngàn đồng

MỨC MINH HỌA TRUNG BÌNH (*)													
Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO						QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			TỔNG QUYỀN LỢI ƯỚC TÍNH		
		QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHÈO TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TỬ VONG TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT	GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 1,00%	Lãi chia cuối hợp đồng	Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy	Quyền lợi BHN hoặc tử vong không do tai nạn tối đa	Quyền lợi Tử vong do tai nạn tối đa	Giá trị hoàn lại
		Giai đoạn đầu (a)	Giai đoạn sau (b)	Tử vong không do tai nạn (c)	Tử vong do tai nạn (d)								
1/26	6.035	60.000	200.000	200.000	300.000			1.000			201.000	301.000	
2/27	12.070	60.000	200.000	200.000	300.000		210	2.010		30	202.010	302.010	240
3/28	18.105	60.000	200.000	200.000	300.000		977	3.030		96	203.030	303.030	1.072
4/29	24.140	60.000	200.000	200.000	300.000		2.349	4.060		202	204.060	304.060	2.550
5/30	30.175	60.000	200.000	200.000	300.000		4.377	5.101		354	205.101	305.101	4.731
6/31	36.210	60.000	200.000	200.000	300.000		7.115	6.152		560	206.152	306.152	7.675
7/32	42.245	60.000	200.000	200.000	300.000		10.620	7.214		826	207.214	307.214	11.446
8/33	48.280	60.000	200.000	200.000	300.000		17.084	8.286		1.325	208.286	308.286	18.409
9/34	54.315	60.000	200.000	200.000	300.000		22.686	9.369		1.765	209.369	309.369	24.452
10/35	60.350	60.000	200.000	200.000	300.000		29.264	10.462		2.293	210.462	310.462	31.557
11/36	66.385	60.000	200.000	200.000	300.000		33.538	11.567		2.654	211.567	311.567	36.192
12/37	72.420	60.000	200.000	200.000	300.000		38.027	12.683		3.043	212.683	312.683	41.070
13/38	78.455	60.000	200.000	200.000	300.000		42.740	13.809		3.463	213.809	313.809	46.203
14/39	84.490	60.000	200.000	200.000	300.000		47.687	14.947		3.913	214.947	314.947	51.601
15/40	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		52.877	16.097	14.000	4.396	230.097	330.097	57.273
16/41	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		55.229	17.258	17.000	4.913	234.258	334.258	60.142
17/42	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		57.651	18.430	20.000	5.464	238.430	338.430	63.116
18/43	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		60.148	19.615	23.000	6.051	242.615	342.615	66.199
19/44	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		62.718	20.811	26.000	6.672	246.811	346.811	69.390
20/45	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		65.362	22.019	29.000	7.330	251.019	351.019	72.692

Đơn vị tính: ngàn đồng

MỨC MINH HỌA TRUNG BÌNH (*)													
Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO						QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			TỔNG QUYỀN LỢI ƯỚC TÍNH		
		QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHEÒ TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TỬ VONG TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT	GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 1,00%	Lãi chia cuối hợp đồng	Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy	Quyền lợi BHN hoặc tử vong không do tai nạn tối đa	Quyền lợi Tử vong do tai nạn tối đa	Giá trị hoàn lại
		Giai đoạn đầu (a)	Giai đoạn sau (b)	Tử vong không do tai nạn (c)	Tử vong do tai nạn (d)								
21/46	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		68.091	23.239	32.000	8.025	255.239	355.239	76.116
22/47	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		70.885	24.472	35.000	8.755	259.472	359.472	79.640
23/48	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		73.766	25.716	38.000	9.523	263.716	363.716	83.290
24/49	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		76.761	26.974	41.000	10.338	267.974	367.974	87.100
25/50	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		79.868	28.243	44.000	11.201	272.243	372.243	91.069
26/51	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		83.116	29.526	47.000	12.121	276.526	376.526	95.237
27/52	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		86.486	30.821	50.000	13.095	280.821	380.821	99.580
28/53	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		89.974	32.129	53.000	14.123	285.129	385.129	104.097
29/54	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		93.584	33.450	56.000	15.208	289.450	389.450	108.792
30/55	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		97.322	34.785	59.000	16.352	293.785	393.785	113.674
31/56	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		101.218	36.133	63.000	17.565	299.133	399.133	118.783
32/57	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		105.261	37.494	67.000	18.846	304.494	404.494	124.107
33/58	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		109.475	38.869	71.000	20.201	309.869	409.869	129.677
34/59	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		113.883	40.258	74.000	21.643	314.258	414.258	135.526
35/60	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		118.495	41.660	78.000	23.177	319.660	419.660	141.672
36/61	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		123.323	43.077	82.000	24.810	325.077	425.077	148.133
37/62	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		128.365	44.508	86.000	26.541	330.508	430.508	154.907
38/63	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		133.616	45.953	89.000	28.370	334.953	434.953	161.987
39/64	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		139.082	47.412	93.000	30.292	340.412	440.412	169.374
40/65	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000	30.000	174.785	48.886	97.000	32.309	345.886	445.886	207.094

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN
2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

MỨC MINH HỌA TRUNG BÌNH (*)													
Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO						QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			TỔNG QUYỀN LỢI ƯỚC TÍNH		
		QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHEÒ TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TỬ VONG TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT	GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 1,00%	Lãi chia cuối hợp đồng	Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy	Quyền lợi BHN hoặc tử vong không do tai nạn tối đa	Quyền lợi Tử vong do tai nạn tối đa	Giá trị hoàn lại
		Giai đoạn đầu	Giai đoạn sau	Tử vong không do tai nạn	Tử vong do tai nạn								
		(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)	(l)
41/66	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		148.988	50.375	101.000	34.501	352.725	452.725	184.838
42/67	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		153.378	51.879	104.000	36.847	358.640	458.640	192.986
43/68	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		158.014	53.398	108.000	39.373	365.633	465.633	201.622
44/69	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		162.890	54.932	112.000	42.084	372.707	472.707	210.749
45/70	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		168.064	56.481	117.000	45.022	380.867	480.867	220.472
46/71	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		173.589	58.046	122.000	48.225	389.114	489.114	230.882
47/72	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		179.510	59.626	128.000	51.729	398.452	498.452	242.066
48/73	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		185.836	61.223	133.000	55.566	406.886	506.886	254.066
49/74	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		192.630	62.835	138.000	59.784	415.418	515.418	266.997
50/75	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		200.000	64.463	143.000	64.463	424.052	524.052	424.052

Hợp đồng bảo hiểm có Giá trị hoàn lại từ năm hợp đồng thứ ba với điều kiện Bên mua bảo hiểm đã đóng đủ Phí bảo hiểm cho 24 tháng hợp đồng đầu tiên.
BMBH sẽ nhận Giá trị hoàn lại khi chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn.

Đơn vị tính: ngàn đồng

MỨC MINH HỌA THẤP (**)													
Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO						QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			TỔNG QUYỀN LỢI ƯỚC TÍNH		
		QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHÈO TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TỬ VONG TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT	GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 0,5%	Lãi chia cuối hợp đồng	Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy	Quyền lợi BHN hoặc tử vong không do tai nạn tối đa	Quyền lợi Tử vong do tai nạn tối đa	Giá trị hoàn lại
		Giai đoạn đầu	Giai đoạn sau	Tử vong không do tai nạn	Tử vong do tai nạn								
		(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)	(l)
1/26	6.035	60.000	200.000	200.000	300.000			500			200.500	300.500	
2/27	12.070	60.000	200.000	200.000	300.000		210	1.003		15	201.003	301.003	225
3/28	18.105	60.000	200.000	200.000	300.000		977	1.508		48	201.508	301.508	1.024
4/29	24.140	60.000	200.000	200.000	300.000		2.349	2.015		100	202.015	302.015	2.449
5/30	30.175	60.000	200.000	200.000	300.000		4.377	2.525		175	202.525	302.525	4.552
6/31	36.210	60.000	200.000	200.000	300.000		7.115	3.038		277	203.038	303.038	7.392
7/32	42.245	60.000	200.000	200.000	300.000		10.620	3.553		407	203.553	303.553	11.027
8/33	48.280	60.000	200.000	200.000	300.000		17.084	4.071		651	204.071	304.071	17.735
9/34	54.315	60.000	200.000	200.000	300.000		22.686	4.591		865	204.591	304.591	23.551
10/35	60.350	60.000	200.000	200.000	300.000		29.264	5.114		1.121	205.114	305.114	30.385
11/36	66.385	60.000	200.000	200.000	300.000		33.538	5.640		1.294	205.640	305.640	34.832
12/37	72.420	60.000	200.000	200.000	300.000		38.027	6.168		1.480	206.168	306.168	39.507
13/38	78.455	60.000	200.000	200.000	300.000		42.740	6.699		1.680	206.699	306.699	44.420
14/39	84.490	60.000	200.000	200.000	300.000		47.687	7.232		1.893	207.232	307.232	49.581
15/40	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		52.877	7.768		2.121	207.768	307.768	54.998
16/41	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		55.229	8.307		2.365	208.307	308.307	57.594
17/42	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		57.651	8.849		2.624	208.849	308.849	60.275
18/43	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		60.148	9.393		2.898	209.393	309.393	63.046
19/44	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		62.718	9.940		3.187	209.940	309.940	65.905
20/45	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		65.362	10.490		3.492	210.490	310.490	68.854

Đơn vị tính: ngàn đồng

MỨC MINH HỌA THẤP (**)													
Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO						QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			TỔNG QUYỀN LỢI ƯỚC TÍNH		
		QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHÈO TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TỬ VONG TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT	GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 0,5%	Lãi chia cuối hợp đồng	Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy	Quyền lợi BHN hoặc tử vong không do tai nạn tối đa	Quyền lợi Tử vong do tai nạn tối đa	Giá trị hoàn lại
		Giai đoạn đầu (a)	Giai đoạn sau (b)	Tử vong không do tai nạn (c)	Tử vong do tai nạn (d)								
21/46	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		68.091	11.042		3.813	211.042	311.042	71.904
22/47	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		70.885	11.597		4.149	211.597	311.597	75.034
23/48	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		73.766	12.155		4.501	212.155	312.155	78.268
24/49	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		76.761	12.716		4.874	212.716	312.716	81.635
25/50	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		79.868	13.280		5.266	213.280	313.280	85.134
26/51	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		83.116	13.846		5.684	213.846	313.846	88.800
27/52	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		86.486	14.415		6.125	214.415	314.415	92.610
28/53	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		89.974	14.987		6.588	214.987	314.987	96.562
29/54	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		93.584	15.562		7.075	215.562	315.562	100.659
30/55	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		97.322	16.140		7.587	216.140	316.140	104.909
31/56	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		101.218	16.721		8.129	216.721	316.721	109.346
32/57	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		105.261	17.304		8.698	217.304	317.304	113.959
33/58	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		109.475	17.891		9.298	217.891	317.891	118.774
34/59	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		113.883	18.480		9.935	218.480	318.480	123.818
35/60	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		118.495	19.073		10.611	219.073	319.073	129.105
36/61	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		123.323	19.668		11.328	219.668	319.668	134.651
37/62	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		128.365	20.266		12.085	220.266	320.266	140.451
38/63	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		133.616	20.868		12.883	220.868	320.868	146.500
39/64	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		139.082	21.472		13.719	221.472	321.472	152.801
40/65	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000	30.000	174.785	22.079		14.592	222.079	322.079	189.378

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN
2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

MỨC MINH HỌA THẤP (**)													
Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO						QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			TỔNG QUYỀN LỢI ƯỚC TÍNH		
		QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHEÒ TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TỬ VONG TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT	GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 0,5%	Lãi chia cuối hợp đồng	Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy	Quyền lợi BHN hoặc tử vong không do tai nạn tối đa	Quyền lợi Tử vong do tai nạn tối đa	Giá trị hoàn lại
		Giai đoạn đầu (a)	Giai đoạn sau (b)	Tử vong không do tai nạn (c)	Tử vong do tai nạn (d)								
41/66	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		148.988	22.690		15.540	223.590	323.590	165.427
42/67	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		153.378	23.303		16.551	225.130	325.130	171.756
43/68	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		158.014	23.920		17.637	226.702	326.702	178.433
44/69	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		162.890	24.539		18.800	228.305	328.305	185.455
45/70	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		168.064	25.162		20.057	229.940	329.940	192.900
46/71	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		173.589	25.788		21.425	231.609	331.609	200.835
47/72	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		179.510	26.417		22.918	233.313	333.313	209.325
48/73	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		185.836	27.049		24.550	235.052	335.052	218.389
49/74	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		192.630	27.684		26.340	236.827	336.827	228.113
50/75	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		200.000	28.323		28.323	238.640	338.640	238.640

Hợp đồng bảo hiểm có Giá trị hoàn lại từ năm hợp đồng thứ ba với điều kiện Bên mua bảo hiểm đã đóng đủ Phí bảo hiểm cho 24 tháng hợp đồng đầu tiên.
BMBH sẽ nhận Giá trị hoàn lại khi chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn.

Đơn vị tính: ngàn đồng

MỨC MINH HỌA CAO (***)													
Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO						QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			TỔNG QUYỀN LỢI ƯỚC TÍNH		
		QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHÈO TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TỬ VONG TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT	GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 2,25%	Lãi chia cuối hợp đồng	Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy	Quyền lợi BHN hoặc tử vong không do tai nạn tối đa	Quyền lợi Tử vong do tai nạn tối đa	Giá trị hoàn lại
		Giai đoạn đầu (a)	Giai đoạn sau (b)	Tử vong không do tai nạn (c)	Tử vong do tai nạn (d)								
1/26	6.035	60.000	200.000	200.000	300.000			2.250			202.250	302.250	
2/27	12.070	60.000	200.000	200.000	300.000		210	4.551		69	204.551	304.551	279
3/28	18.105	60.000	200.000	200.000	300.000		977	6.903		218	206.903	306.903	1.195
4/29	24.140	60.000	200.000	200.000	300.000		2.349	9.308		463	209.308	309.308	2.811
5/30	30.175	60.000	200.000	200.000	300.000		4.377	11.768		817	211.768	311.768	5.194
6/31	36.210	60.000	200.000	200.000	300.000		7.115	14.283		1.300	214.283	314.283	8.415
7/32	42.245	60.000	200.000	200.000	300.000		10.620	16.854		1.929	216.854	316.854	12.549
8/33	48.280	60.000	200.000	200.000	300.000		17.084	19.483		3.115	219.483	319.483	20.200
9/34	54.315	60.000	200.000	200.000	300.000		22.686	22.172		4.177	222.172	322.172	26.864
10/35	60.350	60.000	200.000	200.000	300.000		29.264	24.920		5.462	224.920	324.920	34.726
11/36	66.385	60.000	200.000	200.000	300.000		33.538	27.731		6.362	227.731	327.731	39.901
12/37	72.420	60.000	200.000	200.000	300.000		38.027	30.605		7.344	230.605	330.605	45.370
13/38	78.455	60.000	200.000	200.000	300.000		42.740	33.544		8.411	233.544	333.544	51.151
14/39	84.490	60.000	200.000	200.000	300.000		47.687	36.548		9.569	236.548	336.548	57.256
15/40	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		52.877	39.621	22.000	10.819	261.621	361.621	63.696
16/41	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		55.229	42.762	26.000	12.174	268.762	368.762	67.403
17/42	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		57.651	45.974	31.000	13.631	276.974	376.974	71.282
18/43	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		60.148	49.259	36.000	15.196	285.259	385.259	75.344
19/44	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		62.718	52.617	41.000	16.870	293.617	393.617	79.588
20/45	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		65.362	56.051	46.000	18.659	302.051	402.051	84.021

Đơn vị tính: ngàn đồng

MỨC MINH HỌA CAO (***)													
Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO						QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			TỔNG QUYỀN LỢI ƯỚC TÍNH		
		QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHEÒ TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TỬ VONG TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT	GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 2,25%	Lãi chia cuối hợp đồng	Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy	Quyền lợi BHN hoặc tử vong không do tai nạn tối đa	Quyền lợi Tử vong do tai nạn tối đa	Giá trị hoàn lại
		Giai đoạn đầu	Giai đoạn sau	Tử vong không do tai nạn	Tử vong do tai nạn								
		(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)	(l)
41/66	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		148.988	148.998	161.000	102.045	511.798	611.798	252.833
42/67	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		153.378	154.601	167.000	109.805	525.309	625.309	266.891
43/68	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		158.014	160.329	173.000	118.218	539.059	639.059	281.963
44/69	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		162.890	166.186	179.000	127.318	553.061	653.061	298.082
45/70	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		168.064	172.176	187.000	137.244	569.322	669.322	315.455
46/71	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		173.589	178.300	196.000	148.132	586.855	686.855	334.276
47/72	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		179.510	184.561	204.000	160.118	603.670	703.670	354.737
48/73	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		185.836	190.964	212.000	173.321	620.779	720.779	376.973
49/74	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		192.630	197.511	221.000	187.921	639.195	739.195	401.235
50/75	90.525	60.000	200.000	200.000	300.000		200.000	204.205	229.000	204.205	656.930	756.930	656.930

Hợp đồng bảo hiểm có Giá trị hoàn lại từ năm hợp đồng thứ ba với điều kiện Bên mua bảo hiểm đã đóng đủ Phí bảo hiểm cho 24 tháng hợp đồng đầu tiên.
BMBH sẽ nhận Giá trị hoàn lại khi chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn.

2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Tóm tắt quyền lợi khi kết thúc thời hạn hợp đồng	Mức minh họa Thấp	Mức minh họa Trung bình	Mức minh họa Cao
Quyền lợi đảm bảo	200.000	200.000	200.000
Quyền lợi không đảm bảo			
Bảo tức tích lũy minh họa	28.323	64.463	204.205
Lãi chia cuối hợp đồng minh họa		143.000	229.000
Lãi tích lũy minh họa (m)	10.318	16.589	23.725
Tổng quyền lợi khi kết thúc hợp đồng (n)	238.641	424.052	656.930

- Ghi chú:**
- (a) được minh họa ở mức TỐI ĐA khi NĐBH mắc 2 BHN giai đoạn đầu thuộc 2 nhóm khác nhau trong 4 nhóm bệnh được quy định trong Quy tắc, Điều khoản.
- (b) được minh họa ở mức TỐI ĐA khi NĐBH mắc 2 BHN giai đoạn sau thuộc 2 nhóm khác nhau trong 4 nhóm bệnh được quy định trong Quy tắc, Điều khoản và chưa nhận quyền lợi BHN giai đoạn đầu và/hoặc quyền lợi tiền mặt.
- (c) được minh họa ở mức TỐI ĐA khi NĐBH tử vong không do tai nạn và chưa có bất kì quyền lợi BHN nào và/hoặc quyền lợi tiền mặt được chi trả.
- (d) được minh họa ở mức TỐI ĐA khi NĐBH tử vong trong vòng 180 ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn và chưa có bất kì quyền lợi BHN nào và/hoặc quyền lợi tiền mặt được chi trả.
- (e) bằng 30% STBH và được chi trả vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau sinh nhật lần thứ 65 của NĐBH. Trong trường hợp khách hàng để lại quyền lợi tiền mặt ở Prudential, khoản tiền này sẽ được hưởng lãi.
- (f) là số tiền minh họa đảm bảo mà BMBH sẽ nhận lại khi có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn với giả định chưa có bất kì quyền lợi BHN nào được chi trả và quyền lợi tiền mặt được để lại tại Prudential không có lãi.
- (g) có giá trị ước tính, là khoản lãi chia (không đảm bảo) của Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi và được công bố hằng năm (nếu có). Bảo tức được bảo đảm sau khi đã công bố. Trong bảng minh họa này, Bảo tức tích lũy được minh họa lần lượt ở mức 0,5%/năm, 1,00%/năm và 2,25%/năm trên STBH tương ứng với các mức minh họa Thấp, Trung Bình và Cao.
- (h) có giá trị ước tính, là khoản lãi chia (không đảm bảo) của Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi, được chi trả thêm cùng với (1) Quyền lợi BHN giai đoạn sau lần thứ hai hoặc (2) Quyền lợi tử vong hoặc (3) Quyền lợi khi đáo hạn hợp đồng bảo hiểm.
- (i) có giá trị ước tính, là khoản chi trả thêm (không đảm bảo) cùng với giá trị hoàn lại đảm bảo mà BMBH sẽ nhận lại khi có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn với giả định chưa có bất kì quyền lợi BHN nào được chi trả. Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy được tính toán dựa trên giá trị hiện tại của bảo tức tích lũy ở thời điểm chấm dứt thời hạn hợp đồng bảo hiểm và NĐBH còn sống.
- (j) = c + g + h + khoản lãi nhận được trong trường hợp khách hàng để lại quyền lợi tiền mặt ở Prudential.
- (k) = d + g + h + khoản lãi nhận được trong trường hợp khách hàng để lại quyền lợi tiền mặt ở Prudential.
- (l) là số tiền minh họa (không đảm bảo) mà BMBH sẽ nhận lại khi có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn. Giá trị hoàn lại thực tế có thể cao

hoặc thấp hơn giá trị minh họa.

(m) là khoản lãi nhận được khi kết thúc thời hạn hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp khách hàng để lại quyền lợi tiền mặt ở Prudential.

(n) được tính trong trường hợp chưa có bất kì quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả.

• Giá trị tại cột (j), (k), (l), (m) và (n) được tính toán dựa trên giả định chưa có bất kì quyền lợi BHN nào được chi trả và quyền lợi tiền mặt được để lại tại Prudential để hưởng lãi với mức lãi suất minh họa giả định là 3,0%/năm, 4,5%/năm, 6,0%/năm tương ứng với các mức minh họa Thấp, Trung Bình và Cao. Trong thực tế, mức lãi suất này có thể thay đổi tại từng thời điểm và khoản lãi này được tính lãi kép theo ngày.

(*) Minh họa Thấp/ Trung Bình/ Cao tương ứng với các giả định về kết quả đầu tư Thấp/ Trung Bình/ Cao tại thời điểm công bố bảo tức tích lũy năm qua. Vì lợi nhuận đầu tư thực tế phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau nên có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức minh họa, dẫn đến các quyền lợi không đảm bảo trong thực tế có thể khác với giá trị minh họa.



3. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO)

SẢN PHẨM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	GHI CHÚ
Dành cho Người được bảo hiểm chính: NGUYỄN VĂN A			
PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN	Mắc BHN giai đoạn đầu lần 1	30.000.000 (tối đa)	Mức chi trả cho mỗi BHN giai đoạn đầu là 30% STBH và tổng quyền lợi bảo hiểm chi trả tối đa cho mỗi BHN giai đoạn đầu của tất cả các hợp đồng bảo hiểm không vượt quá 500 triệu đồng. BHN giai đoạn đầu lần 2 được chẩn đoán phải không cùng nhóm BHN với BHN giai đoạn đầu lần 1 đã được chấp thuận chi trả, dựa theo danh sách BHN được quy định tại Quy tắc, Điều khoản. Nếu một Tai nạn gây ra nhiều hơn một BHN giai đoạn đầu, quyền lợi bảo hiểm được chi trả cho duy nhất một BHN giai đoạn đầu.
	Mắc BHN giai đoạn đầu lần 2	30.000.000 (tối đa)	
	Mắc BHN giai đoạn sau lần 1	100.000.000 (tối đa) Sau khi Quyền lợi bảo hiểm BHN giai đoạn sau lần 1 được chấp thuận chi trả, Prudential sẽ miễn toàn bộ Phí bảo hiểm còn lại của sản phẩm bảo hiểm chính kể từ ngày BHN giai đoạn sau lần 1 được chẩn đoán xác định và Hợp đồng bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính vẫn tiếp tục duy trì hiệu lực.	Mức chi trả tối đa cho mỗi BHN giai đoạn sau là 100% STBH. Nếu BHN giai đoạn đầu đã chi trả cùng nhóm với BHN giai đoạn sau lần 1 được chẩn đoán, quyền lợi BHN giai đoạn đầu đã chi trả sẽ được khấu trừ từ quyền lợi BHN giai đoạn sau lần 1. Nếu một Tai nạn gây ra nhiều hơn một BHN (bao gồm BHN giai đoạn đầu và/hoặc BHN giai đoạn sau), duy nhất một BHN có quyền lợi bảo hiểm cao nhất sẽ được chi trả. BHN giai đoạn sau lần 2 phải không cùng Nhóm BHN với BHN giai đoạn sau lần 1 và được chẩn đoán xác định sau 12 (mười hai) tháng kể từ ngày BHN giai đoạn sau lần 1 được chẩn đoán xác định. BHN giai đoạn sau lần 2 được chẩn đoán xác định phải không liên quan trực tiếp hay gián tiếp hoặc không xuất phát từ cùng nguyên nhân gây ra BHN giai đoạn sau lần 1 đã chấp thuận chi trả. Quyền lợi BHN giai đoạn sau lần 2 sẽ khấu trừ toàn bộ Quyền lợi BHN đã chấp thuận chi trả, Quyền lợi tiền mặt và các Khoản nợ, nếu có. Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực sau khi Quyền lợi BHN giai đoạn sau lần 2 được chi trả.
		Mắc BHN giai đoạn sau lần 2	
	Mắc BHN giai đoạn sau lần 2	100.000.000 (tối đa)	

PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN	Tử vong không do tai nạn và chưa có bất kì quyền lợi BHN nào và/hoặc quyền lợi tiền mặt được chi trả.	200.000.000 (tối đa)	Quyền lợi này sẽ khấu trừ toàn bộ Quyền lợi bảo hiểm BHN, Quyền lợi tiền mặt đã chấp thuận chi trả và các Khoản nợ, nếu có, tính đến thời điểm Người được bảo hiểm tử vong. Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực ngay sau khi Người được bảo hiểm tử vong.
	Tử vong do tai nạn và chưa có bất kì quyền lợi BHN nào và/hoặc quyền lợi tiền mặt được chi trả.	300.000.000 (tối đa)	

Ghi chú:

- Chi tiết về quyền lợi và điều khoản loại trừ của (các) sản phẩm bảo hiểm nêu trên được quy định cụ thể trong Quy tắc, Điều khoản sản phẩm. Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm này, được công bố trên website của Prudential.

CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ CHÍNH

1. Loại trừ trường hợp tử vong

- a. Hành động tự tử, tự gây thương tích trong vòng 2 (hai) năm kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (nếu có), tùy thuộc ngày nào xảy ra sau; hoặc
- b. Do hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người thụ hưởng đối với Người được bảo hiểm; hoặc
- c. Nhiễm HIV; bị AIDS và/hoặc những bệnh liên quan đến AIDS; hoặc
- d. Tử vong do bị thi hành án tử hình.

2. Loại trừ trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo

Prudential sẽ không chi trả các quyền lợi bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo nếu các dấu hiệu hay triệu chứng của bệnh xuất hiện:

- a. Trước Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy trường hợp nào xảy ra sau; hoặc
- b. Trong vòng 90 ngày kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hay Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy trường hợp nào xảy ra sau, cho dù chưa có chẩn đoán Bệnh hiểm nghèo (ngoại trừ trường hợp Bệnh hiểm nghèo là hậu quả của Tai nạn và Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo trong vòng 90 ngày kể từ ngày xảy ra Tai nạn).

3. Loại trừ khác của bệnh hiểm nghèo

- a. Chiến tranh (có tuyên bố hay không tuyên bố), các hành động nổi loạn, rối loạn dân sự hoặc bạo động; hoặc
- b. Nhiễm HIV; bị AIDS/ và/hoặc những bệnh liên quan đến AIDS, trừ trường hợp nhiễm HIV do nghề nghiệp và nhiễm HIV do truyền máu; hoặc
- c. Tự tử, hoặc tự gây thương tích cho bản thân của Người được bảo hiểm dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí trong thời gian 2 năm kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hay Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy trường hợp nào xảy ra sau; hoặc
- d. Tham gia các hoạt động nguy hiểm của Người được bảo hiểm như lặn có bình khí nén, nhảy bungee, leo núi, đua xe dưới mọi hình thức, điều lượn, khinh khí cầu, nhảy dù; hoặc
- e. Bị tác động bởi việc sử dụng các chất gây nghiện, thuốc điều trị tâm thần, rượu, chất độc, khí ga, các hoạt chất tương tự hoặc ma túy, trừ trường hợp có chỉ định của Bác sĩ và việc ảnh hưởng này là nguyên nhân gây ra Tai nạn; hoặc
- f. Tham gia các hoạt động hàng không, trừ khi với tư cách là hành khách trên các chuyến bay dân dụng; hoặc
- g. Bất kỳ sự kiện nào làm phát sinh yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm do hành động cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm.

LƯU Ý: Các điều khoản loại trừ trên đây chỉ mang tính chất tham khảo. Chi tiết về Điều khoản loại trừ được quy định cụ thể trong Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm.



CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN KHÁC CỦA BẢN QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN SẢN PHẨM BẢO HIỂM

1. kê khai chính xác các thông tin cần thiết

Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm có trách nhiệm kê khai đầy đủ, chính xác và trung thực tất cả các thông tin cần thiết để Prudential đánh giá khả năng chấp nhận bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm này. Việc thẩm định sức khỏe, nếu có, không thay thế cho nghĩa vụ kê khai trung thực của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm theo quy định tại điều này. Nếu vi phạm nghĩa vụ trên, tùy từng trường hợp, Prudential sẽ có quyền không chịu trách nhiệm bảo hiểm hoặc chấp thuận bảo hiểm có điều kiện hoặc vẫn chấp thuận bảo hiểm.

2. Thời hạn cân nhắc

Trong vòng 21 ngày kể từ ngày BMBH ký xác nhận đã nhận được bản giấy của một số tài liệu của Bộ HĐBH theo quy định tại Quy Tắc và Điều Khoản Sản Phẩm, BMBH có quyền từ chối tiếp tục tham gia bảo hiểm. Trong trường hợp này, HĐBH sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm Prudential xác nhận bằng văn bản yêu cầu nêu trên, và Prudential sẽ hoàn lại cho BMBH (tổng) phí bảo hiểm đã đóng của Sản Phẩm này, không có lãi, sau khi trừ đi các chi phí khám, xét nghiệm y khoa, nếu có.

LƯU Ý: Các điều khoản trên đây chỉ mang tính chất tham khảo. Chi tiết về các Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm.

Việc giao kết một Hợp đồng bảo hiểm là một cam kết dài hạn, Quý khách không nên duy trì hợp đồng chỉ trong thời gian ngắn hạn. Việc hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí đã đóng.

Các số liệu và quyền lợi trong tài liệu này được minh họa với giả định toàn bộ phí bảo hiểm được đóng đầy đủ, đúng hạn và không có giao dịch nào làm thay đổi giá trị hợp đồng. Toàn bộ nội dung của tài liệu này là một phần của hợp đồng bảo hiểm.

XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN VIÊN					XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM	
Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã phân tích nhu cầu tài chính và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của khách hàng có tên nêu trên một cách đầy đủ, cụ thể, rõ ràng. Tôi xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Bảng minh họa này cũng như nội dung của Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.					Tôi đã được Tư vấn viên phân tích nhu cầu và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu. Tôi có khả năng tài chính để đóng Phí bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm này. Tôi đã đọc bảng minh họa này và đã được Tư vấn viên tư vấn rõ ràng chi tiết của bảng minh họa cũng như các Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm nêu trên. Tôi đồng ý tham gia (các) sản phẩm bảo hiểm nêu trên.	
Giải pháp bảo hiểm được tư vấn bởi tư vấn viên cùng với sự tham gia hỗ trợ của cấp quản lý:						
Cấp quản lý	Họ và tên	Mã số	Điện thoại	Hình thức hỗ trợ		
Quản lý trực tiếp	PRUDENTIAL VIỆT NAM	60183138		☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5		
Các hình thức hỗ trợ 1. Hội thảo tư vấn, giới thiệu, bán sản phẩm bảo hiểm 2. Cùng TVV trực tiếp tư vấn, giới thiệu, bán sản phẩm bảo hiểm 3. Hỗ trợ TVV qua điện thoại 4. Hỗ trợ TVV qua email 5. Hỗ trợ TVV qua hình thức khác						
60289279 Chữ ký: _____ Họ và tên: PRUDENTIAL VIỆT NAM Mã số Tư vấn viên: 60289279 Ngày: 30/06/2025 16:12:07					 Chữ ký: _____ Họ và tên: Ngày: 30/06/2025 16:12:07	
BẢNG MINH HỌA NÀY LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM VÀ CHỈ CÓ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ KHI CÓ ĐẦY ĐỦ SỐ TRANG VÀ CHỮ KÝ CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM						